

SỐ 1761

## PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ KINH NGHĨA SỚ

*Thích Nguyên Chiếu chùa Sùng Phước ở Linh chi.*

Nhất thừa cực lực đề xướng chung quy đều chỉ hướng về Lạc bang. Muôn hạnh viên tu tối thắng riêng tìm xét về quả hiệu. Bởi do từ nhân lập nguyện, giữ vững ý chí chính mình đảm đương. Trải qua nhiều kiếp như cát bụi mang trong lòng hoài bão cứu giúp chúng sanh. Không chỗ nào dù chỉ bằng hạt cải mà đức Thế tôn không xả bỏ thân mạng để cứu độ chúng sanh. Bi trí sáu độ nhiếp hoá không bỏ sót, nội tài ngoại tài tùy theo sự mong cầu thì sẽ được cảm ứng. Căn cơ sanh khởi duyên lành thuận thực, các hạnh đầy đủ, công đức thành tựu. Một thời viên chứng đối với ba thân, muôn đức nêu chung nơi bốn chữ. Do bậc tri thức rộng khen ngợi mà chiêu cảm địa ngục lửa hoá thành gió mát, bạn lành hưởng dẫn thấy hoa sen vàng, hình dáng giống như mặt trời chói sáng.

Tội nặng tám mươi muôn ức kiếp như vậy tan như mây khói, đi khắp phương xa mười muôn ức cõi nhanh như có cánh. Than ôi! kiến thức mê muội, nghiệp chướng sâu dày, ít lòng tin, nhiều nghi ngờ, chê tịnh nghiệp là quyền thừa, cười trì tụng là hạnh thô. Đâu chẳng phải mê đắm căn nhà mục nát, tự cam chịu bị chìm đắm muôn kiếp. Trái nghịch cha mẹ, thật đau xót thay một đời luống bỏ. Phải tin tưởng chẳng nhờ tha lực, dứt nghiệp hoặc mà không có kỳ hạn.

Nghe và giữ gìn rất nhiều chính hợp với thời duyên. Soạn thuật tuy rất nhiều, nhưng ít cùng tột yếu chỉ của kinh. Gắng đem hết tài sức trần thuật, giải thích, lòng bắt chước bậc tu hành đời trước, lè chiếc lưới dài để khen ngợi thế nguyện đồng Chư Phật. Thái hư có thể lớn rộng không

bờ mé, chí nguyện rộng sâu không cùng, cẩn thận gắng sức đồng như thuyền, tôn sùng sâu xa đạo này.

***1. Muốn giải thích kinh này trước là dùng nghĩa môn bao gồm cương yếu kia mới vào được văn giải thích nghĩa lý kia.***

1. Giáo pháp danh tiếng của bậc đại giác Thế tôn trong một đời, Đại thừa Tiểu thừa tuy có khác nhau nhưng không ngoài giáo lý hạnh quả.

2. Nhờ giáo mà hiển bày lý.

3. Nương lý mà khởi hạnh.

4. Do hạnh mà được quả.

Bốn pháp gom nhiếp tốt đẹp không pháp nào không cùng tận.

***1. Ngôn giáo:*** đại khái có hai phần:

- Nói về sự hưng thịnh của giáo pháp.

- Phân biệt giáo tướng.

Kinh Đại Bản chép: Đức Phật dạy: Đức Như lai dùng vô lượng tâm đại bi thương xót chúng sanh trong ba cõi, vì vậy mà xuất hiện ở đời mở rộng ánh sáng đạo giáo giúp cho tất cả chúng sanh mê muội đạt được lợi ích của pháp này, mở bày năm đường, độ người chưa được độ, quyết sửa đổi, làm cho ngay thẳng lại con đường sinh tử và Niết-bàn. Đây nói đại ý xuất thế bao gồm ở các kinh điển, ấy gọi là nói chung về giáo pháp hưng thịnh.

Kế là y theo văn này nói lược năm ý.

1. Khiến cho chúng sanh biết cõi Ta bà là khổ mong cầu vượt ra khỏi. Cho nên kinh dạy: chúng sanh ở thế giới Cực Lạc không có các khổ.

2. Khiến chúng sanh biết cảnh giới Phật sanh lòng ưa thích, cho nên đoạn dưới nói về y báo chánh báo trang nghiêm, khuyên chúng sanh sanh về thế giới cực lạc.

3. Khiến gom nhiếp tâm an trú tam muội niệm Phật, cho nên đoạn dưới chép: Nghe nói Đức Phật A-di-đà chấp trì danh hiệu nhất tâm bất loạn v.v...

4. Giúp cho chúng sanh phá trừ nghiệp chướng giải thoát khổ được thanh tịnh an vui, cho nên đoạn dưới chép: Người ấy khi qua đời tâm không điên đảo liền được vãng sanh v.v....

5. Khiến sanh về thế giới cực lạc thành tựu Bồ-đề, cho nên dưới chép: Những người ấy đều được không lui sụt chuyển v.v...

Ở đây nói về ý chính của kinh hạn cuộc nơi văn này, nghĩa là

riêng trình bày sự giáo pháp hưng khởi.

- Phân biệt giáo tướng: Tịnh độ giáo quán nói chung về Chư Phật hiện tại ở mười phương, tức như đoạn dưới dẫn hằng sa Chư Phật trong sáu phương le chiếc lưới rộng dài khuyên chúng sanh tin kính kinh này, tức là làm chứng. Lại y theo văn dưới chép: Thiện nam, thiện nữ nghe kinh thọ trì, không cần trải qua thứ lớp, đều được quả không lui sụt chuyển A-nậu-bồ-đề.

Nên biết tất cả giáo môn tịnh độ đều là pháp Đại thừa viên đốn thành Phật, chắc chắn chẳng phải nghiêng về Tiểu thừa như trong luận phân biệt.

2. *Nói về lý*, lý tức giáo thể cũng chia làm hai:

- Chung.

- Riêng.

- Trong phần chung, tất cả Đại thừa đều lấy thật tướng của phương đẳng làm thể, phương là phương quảng, đẳng là bình đẳng, diệu lý thật tướng ngang thì càng khắp các pháp nên gọi là Phương quảng, dọc thì bao trùm Phạm thánh nên gọi là bình đẳng, từ đó biết rằng ngang dọc tất cả các pháp đều từ duyên sinh, đều không thể suy suy nghĩ bàn luận luận và đều là thật tướng. Đây nêu chung một đời giáo hoá của Đức Phật dùng Đại thừa làm lý sở thuyên.

- Nói riêng: Kinh này tức lấy sự tu nhân chiêu cảm quả y báo chánh báo trang nghiêm công đức bất tư nghì của Đức Phật A-di-đà làm lý sở thuyên.

Vì trong nhân phát Đại nguyện vô tướng tu diệu hạnh vô trú, cảm thánh quả vô đắc, điểm sự diệu lý tướng là phi tướng cho nên cảm ứng thân và cõi đều là thật tướng.

Tức đoạn dưới kinh dạy: Như nay ta khen ngợi công đức bất khả tư nghì của Đức Phật A-di-đà. Nếu chẳng phải diệu lý thì vì sao xưng bất tư nghì ư?

3. *Nói về hạnh*, hạnh là giáo, tông cũng có chung có riêng.

- Chung. Nói về đại hạnh không ngoài phát tâm đạo vô lượng, tu sáu độ vạn hạnh. Đã nói đủ trong các kinh không lập lại.

- Riêng: Người tu hành tịnh nghiệp chiêu cảm sanh tịnh độ, riêng một pháp môn ấy vượt ngoài phương pháp, đường tắt.

Y theo tịnh nghiệp lại có nhiều thứ, các kinh đã nêu phương pháp tu hành đều sai khác nhau.

Quán kinh có ba phước diệu quán.

Kinh Đại Bản chép: một ngày một đêm treo cờ phướn, lọng báu,

mười ngày mười đêm giữ gìn trai giới.

Kinh Đại Bi chép: Trong một ngày xưng danh hiệu lần lượt khuyên bảo nhau.

Kinh Bát Chu chép: Trong một ngày, hoặc hơn, buộc niệm hiện tiền, trong chín mươi ngày thường không ngồi nằm.

Kinh cổ Âm Thanh chép: Mười ngày mười đêm sáu thời lễ niệm.

Kinh Đà-la-ni chép: Tụng tập các thần chú.

Kinh Đại Pháp cổ chép: Chỉ tác sanh ý thì biết có Đức Phật kia.

Quyển xảo phù hợp các căn cơ, phương pháp tu hành chẳng phải một, giáo môn tuy khác nhưng cũng đều vãng sanh.

Kinh này chuyên chỉ dạy pháp trì danh, chính là tông yếu của kinh, vì nay cần thiết cho nên phải chỉ dạy, không thể để chung hết các kinh.

Tóm tắt tất cả các văn kinh lại chia làm năm điều.

1. Tâm khởi ưa thích và nhằm chán, nhằm chán khổ não, ưa thích an vui.

2. Thân phải hướng về phía tây đứng ngay ngấn chấp tay.

3. Lập ra kỳ hạn một ngày bảy ngày.

4. Buộc tâm vào cảnh Phật, chuyên nhất không loạn.

5. Kỳ hạn chết không lui sụt, thệ quyết cầu thoát.

Hoặc đây xưng danh v.v... trở xuống cho đến mười niệm còn được vãng sanh hưởng chi cả một ngày đến bảy ngày ư?

**4. Nói về quả.** Quả tức dụng của giáo pháp cũng có chia làm hai:

1. Quả gần: Kinh dạy: Người này khi qua đời tâm không điên đảo liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Do trước xưng danh hiệu Phật kết nghiệp thành nhân, bỏ sự khổ não của cõi uế này chiêu cảm cõi tịnh lạc kia.

Tức đạt được pháp tánh tịnh thân trú cõi tịnh độ Đồng cư.

2. Quả xa: Nói chúng sanh sanh về cõi đó đều chứng đắc địa vị không lui sụt A-nậu-bồ-đề. Đây nói sanh về thế giới kia rồi nghe pháp đắc nhãn, Tu- đạo bồ-đề dứt hoặc chứng chân rốt ráo thành Phật. Tức chứng pháp thân thanh tịnh ở cõi pháp tánh.

Ở trên nêu tóm lược bốn chương năm phần đại khái, ngoài ra như sau giải thích nhưng vẫn dựa vào văn khác.

Kinh này có hai bản dịch:

1. Bản dịch đời Diêu Tần, pháp sư La-thập dịch, tức bản dịch này.

2. Bản dịch đời Đại Đường, pháp sư Huyền Trang dịch. Nay thấy

trong tạng; lập nguyện đều có khác như văn dưới nói về.

Từ xưa giải thích gồm có ba nhà. Pháp sư Từ Ân Đời Đường làm thông tán một quyển. Đời nay pháp sư Cô Sơn pháp sư Tuyết Khê đều có sở ký thấy lưu hành ở đời. Nay đã nêu ra đều nơi ý kia thời có đồng có khác, tự thấy trong văn.

Kế đến giải thích văn. Lại có hai:

- Giải thích đề mục kinh.
- Giải thích văn kinh.

1. Ban đầu bản kinh này tên “Kinh Khen ngợi Bất Khả Tư Nghì Công Đức nhất thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm.”

Tổng cộng mười sáu chữ, “Kinh” là đề chung, mười lăm chữ trên là đề riêng. Tám chữ trên thuộc giáo, tức kinh nói y báo chánh báo trang nghiêm, xưng danh vãng sanh đều là tu nhân, cảm quả, uy thần, nguyện lực, công đức bất khả tư nghì của Đức Phật A-di-đà.

Bảy chữ dưới thuộc căn cơ tức y giáo khởi hạnh chuyên tu thành nghiệp, được các bậc Thánh thần che chở giữ gìn thẳng đến không lui sụt Bồ-đề.

Bản dịch của pháp sư Huyền Trang đời Đường, có đề kinh là “Kinh Khen ngợi Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ”, nghĩa tuy có khác chút ít, phần lớn ý thì đồng, đối chiếu văn sẽ thấy.

Nay bản dịch đời Tần dịch ẩn tóm lược đề bản ở phần sáu phương Phật, tức phần cuối nói rằng: Các ông và chúng sanh phải tin kinh này v.v...

Y theo tông chọn điểm quan trọng. Riêng kiến lập đề này có năm ý.

- a. Trên thì hợp với tông chỉ của kinh. Trong kinh chỉ nêu phương pháp trì danh, cho nên dùng danh hiệu Phật nêu tựa đề.
- b. Dưới thì thích ứng với căn cơ của chúng sanh nên danh hiệu Đức Di-đà chúng ưa nghe, cho nên dùng nêu đề vì nhiều người tín nhận.
- c. Lý tự bao gồm, nhưng chỉ nêu danh hiệu Phật khen ngợi che chở tự giữ gìn gom nhiếp.
- d. Nghĩa tồn tại tiện dễ, Phạm hiệu bao gồm vì tai nghe quen thuộc.
- e. Nói lời đơn giản cốt yếu, người đời sau thọ trì xứng hợp với đạo không phiền phức.

Vả lại như bản dịch đời Đường theo bản văn mà lập đề nhưng chưa nghe truyền bá. Lại như Đại bản đặt đề mục theo Trung Hoa nhưng ít thấy tụng trì. Chính vì biết bản dịch đời Tần thể hợp sâu xa với tâm

Thánh cho nên được mọi người khắp nơi đồng vâng theo trăm đời vẫn không xưa cũ. Cảm thông truyền thuyết rằng: Pháp sư La-thập từ thời bấy Đức Phật đến nay dịch kinh điều này đáng tin, chẳng phải lường dối.

Nay giải thích đề kinh này, năm chữ trên là riêng vì hạn cuộc theo kinh này, một chữ dưới là chung, đồng với các kinh.

- *Y theo đề riêng*: Hai chữ trên là nêu vị giáo chủ năng thuyết, khẳng định là Đức Thích-ca, chỉ nêu hiệu chung. Ba chữ dưới nêu người sở thuyết, thành thật chẳng phải Đức Phật khác cho nên nêu hiệu riêng. Chung riêng khéo xen nhau là sự khéo léo của người dịch.

Xuất phát từ miệng vàng của Như lai làm vui thích tâm chúng sanh, dùng để giáo hóa phù hợp căn cơ chúng sanh cho nên xưng là Phật nói.

A-di-đà Hán dịch là Vô Lượng. Kinh tự giải thích rằng: Đức Phật kia có ánh sáng vô lượng chiếu khắp cõi nước mười phương chẳng chỗ nào chướng ngại, vì vậy nên hiệu là A-di-đà, đây gọi là vô biên lượng.

Lại nói Đức Phật kia cùng với nhân dân nước kia tuổi thọ vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, nên gọi là A-di-đà. đây gọi là vô số lượng.

Ánh sáng tiêu biểu cho trí Phật, tuổi thọ tiêu biểu cho phước Phật. Dùng phước trí này trang nghiêm bốn pháp thân. Ba đức tràn đầy để lập danh hiệu tốt đẹp, ngoài ra như văn dưới.

- *Đề chung*: Tiếng Phạm Tu-đa-la Hán dịch Tuyến.

Tuyến: Là năng quán nhiếp, tức dụ cho giáo lý giảng giải. Văn lý liên tiếp quán xuyên gồm nhiếp các căn cơ.

Nghĩa thông thường của chữ “Huấn” trong “Huấn pháp” như thường nói.

2. Giải thích văn kinh, đại khái chia làm ba phần:

a. Từ đầu đến “Đại chúng câu” là phần “Tựa”.

b. Từ “Bấy giờ Phật bảo” cho đến “đó là rất khó” là “phần chánh tông”.

c. Từ “Phật thuyết kinh này trở xuống cho đến cuối văn kinh là phần lưu thông.

Trong phần đầu các kinh đều có hai bài tựa là chứng tín và phát khởi, kinh này chỉ nêu chứng tín, không có phát khởi. Bài tựa Vãng Sanh Truyện chép rằng: Đây chính là loại kinh Vô vấn tự thuyết trong mười hai phần giáo, cũng như người mẹ đỡ đần con nhỏ, không đợi con mời thỉnh mà chỉ muốn quan tâm tay chân con và cho con bú mớm thôi.

Nay dùng nghĩa “Cầu tìm” lược có hai ý:

- Nêu cõi tịnh ở phương khác, chẳng phải cảnh giới nhỏ bé thiên lệch của người Nhị thừa, dù có dùng quyền thừa nhưng nêu đồng mà chẳng biết không nhờ vào nhân duyên, nêu sự khác nhau của việc tự thuyết. Tức đoạn dưới Chư Phật khen ngợi Đức Thích-ca rằng: Làm việc rất khó ít có, nói pháp mà thế gian này khó tin.

- Nêu Đức Thế tôn của chúng ta có lòng từ bi rộng lớn thương xót chúng sanh như mẹ thương con, thương xót chúng sanh ngơ ngác không thể thưa hỏi, ngài triệu tập đến để dạy bảo, nêu lên sự tha thiết của ngài đối với chúng sinh.

Cho nên đoạn dưới Đức Như lai di chúc dạy rằng: Các ông đều phải tin nhận lời nói của ta và lời Chư Phật nói.

Theo phần Chứng tín, đây tức là ngài A-nan kiết tập vâng theo lời Phật dạy mà đặt để sáu việc để chứng minh, rõ ràng chẳng lường dối, sai bậy, giúp cho chúng sanh tin.

Sáu duyên không đủ thì giáo pháp không thể hưng khởi nên gọi là sáu thành tựu. Phần đầu trong các kinh giải thích rất rườm rà, đây chỉ tóm lược đại cương của đề, ngoài ra rộng như các kinh khác.

1. *Như thị*: Như là từ chỉ cho pháp, tức chỉ pháp môn phần chánh tông đã nói. Khế lý gọi là như, lìa phi gọi là thị vì tín cho nên nghe trì, gọi là tín thành tựu.

2. *Tôi nghe*: A-nan tự nói đích thân theo Phật nghe pháp chẳng phải người khác truyền bảo, đó là “Văn thành tựu”.

3. *Một thuở nọ*: Là chủ bạn nhóm họp nói nghe đầu cuối thật chẳng phải thời nào khác, đó là “Thời thành tựu”.

4. *Phật*: Là Đức Thích-ca giáo chủ, từ miệng vàng đích thân nói chẳng phải ai khác nói, đó là “chủ thành tựu”. Nói cho đủ là Phật-đà, Hán dịch là Giác. Giác chính là thông, tên gọi này hạn cuộc vào cực quả rốt ráo diệu giác, là một trong mười hiệu, nên gọi là hiệu chung.

5. *Tại nước Xá vệ v.v...* là nói kinh có nơi chốn.

Nêu Xá vệ chính là cảnh du hóa. Nêu Kỳ viên là chỉ chỗ nương ở, tức “Xứ thành tựu”.

Xá vệ dịch là văn vật, ý nói người vật ở đó giàu có nổi tiếng đến các nước khác.

Thái tử Kỳ-đà cúng thí cây, Cấp Cô Độc mua vườn, hai vị cùng cúng dường Phật cho nên lấy đó đặt tên.

6. “*Cùng với Đại Tỳ-kheo*” trở xuống là đạo tục bốn bộ đại chúng đồng đến trong hội, chẳng phải riêng mình tôi nghe đó là “Chúng thành tựu”.

Chúng có ba loại:

- Chúng Thanh văn.
- Từ “và các...” trở xuống là chúng Bồ-tát.
- Từ “Và Thích Đề-hoàn nhân” trở xuống là “Chúng trời người”.

Các vị Thanh văn thường được gần cạnh Đức Phật oai nghi lại cao quý, nên nêu trước hết, Bồ-tát ẩn hiển không định, hình thức và y phục không câu nệ cho nên nêu kế tiếp; trời người và thế tục các hình thức và y phục toàn trái nhau cho nên nêu ra sau cùng.

• Trong phần đầu có bốn:

- Nêu số.
- Từ “đều” trở xuống là khen ngợi đức.
- “Trưởng lão” v.v... trở xuống nêu tên.
- Từ Như thị trở xuống là tổng kết.

1. Số: “Dữ Đại Tỳ-kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhơn câu”.

“Đại Tỳ-kheo” là đệ tử Thượng thủ, như dưới nêu. “Một ngàn hai trăm v.v...” Đệ tử quyển thuộc đều không nêu. “Tỳ-kheo” hoặc gọi là Bí-sô, Hán dịch khát sĩ, cầu xin thức ăn nuôi thân, cầu xin giáo pháp để luyện tâm. Lại dịch bố ma, chí nguyện giúp cho ma sợ hãi. Lại nói phá ác, là giữ gìn giới phá nghiệp chướng, sanh định tuệ phá hoặc. Ba thứ này là tên gọi theo nhân.

Tên gọi theo quả thì như sau:

Tăng: Nói cho đủ là tăng già, Hán dịch là Chúng. Bốn vị Tỳ-kheo trở lên có thể dựa vào pháp yết-ma mà điều phục tất cả, diệt ác sanh thiện, bao gồm chung Phạm thánh, gom nhiếp hết lý, sự, nên gọi là chúng.

Đức Phật khi mới thành đạo độ ba anh em Ca-diếp gồm một ngàn vị đệ tử. Kế là độ hai ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên cùng có hai trăm năm mươi vị đệ tử. Các vị này vốn theo ngoại đạo may mắn gặp Phật và được Phật độ, cảm ân sâu của Phật cho nên thường theo hầu bên Phật.

Hoặc chép: Các đệ tử quy y Phật đầu tiên được nêu kể rất nhiều nhưng chưa hẳn thường tham dự trong hội.

2. Khen ngợi đức:

A-la-hán dịch có ba nghĩa:

- Ứng cúng: Xứng đáng nhận sự vật cúng dường, tức là quả khát sĩ.
- Sát tặc: Có khả năng dẹp trừ hàng phục ma oán, tức quả bố ma.
- Vô sanh: Diệt trừ các sự khổ não và kiết sử, tức quả phá ác.



Tức như ở dưới nêu các bậc tài đức thượng thủ trong hội mà chúng trời người đều biết các vị kia uy nghi đỉnh đạt đáng mạo trang nghiêm cho nên nói mọi người đều biết.

### 3. Nêu bày danh:

Đức trọng hạ lập cao nên gọi là Trưởng lão. Lời lẽ thì hạn cuộc vào người đứng đầu nghĩa bao gồm các địa vị.

Xá-lợi-phất, Hán dịch Thân Tử, cũng gọi là Châu Tử. Mẹ Ngài thân hình tốt đẹp, thông minh lộ ra ở mắt, y theo mẹ mà đặt tên ngài. Lại “Xá” là nêu cha, “Lợi” là nêu mẹ. Cả hai nói lên cha mẹ, nên nói Xá-lợi-phất, Phất tức là Tử (Con).

Ma-ha Mục-kiền-liên: Ma-ha Hán dịch là Đại, đồng danh rất nhiều, thêm chữ Đại ở đầu để phân biệt, phần tên còn lại thì có nhiều. Mục-kiền-liên: Văn kinh-thù Vấn dịch là Lai-phục Căn, Lai-phục nghĩa là la-bặc; Chân-đế gọi Vật-già-la dịch là Hồ đậu, hai vật các vị

tiên xưa ưa thích lấy đó đặt tên họ.

Tên Ni-câu-luật-đà là tên cây, do cha mẹ cầu nguyện thân cây mà sanh được con lấy đó đặt tên.

Ca-diếp Hán dịch là Đại Quy thị. Vị này đời trước đi học đạo gặp con linh quy đội sách tiên, nên ứng theo đức đó mà đặt tên họ; Chân-đế dịch là quang ba, ánh sáng từ thân một vị Tiên xưa phát ra ánh sáng nóng và dâng trào giống như sóng biển, cũng gọi là Âm Quang, vì có thể chiếu sáng hơn các ánh sáng khác thì khiến cho không hiện được. Cũng gọi là Tất-bát-la, cũng là tên cây do cầu nguyện cây mà đặt tên. Ca-chiên-diên: Hán dịch là Văn Sức, cũng dịch là Kiên Thùy,

cũng dịch là Hảo Kiên, cũng dịch là Kha-la: Hán dịch là Tư Thắng, đều đặt tên theo họ.

Câu-hy-la Hán dịch là Đại tất, vị này có đầu gối rất lớn. Ngài là em ruột của mẹ ngài Xá-lợi-phất, ngày trước luận nghị giỏi hơn chị. Lúc chị mang thai thì lại thua, biết đứa trẻ mang trong bụng là người trí, do đó nên ngài đến Nam Thiên Trúc đọc tụng các kinh sách, đến nỗi không rảnh để cắt móng tay, nên người đời gọi ngài là Trưởng Trảo Phạm Chí.

Ly-bà-đa, cũng gọi là Ly Việt, Hán dịch là Tinh Tú, hoặc dịch là Thất Tú. Do cha mẹ ngài cầu đảo ngôi sao ấy mà sinh ra ngài nhân lấy đó đặt tên. Hoặc gọi Giả hòa hiệp. Văn kinh-thù vấn nói gọi là Thường Tác Thanh. Có người dẫn Trí Độ luận chép: Ngài từng trú ở một cái đình trống, làm chứng cho hai con quỷ dành một xác chết, y theo sự thật anh ta phân xử phần đúng thuộc về con quỷ nhỏ, con quỷ lớn tức giận

bể gãy tay chân của anh ấy ăn, con quỷ nhỏ thấy vậy liền lấy tay chân của xác chết thay vào cho anh ta, nhân vậy người ấy buồn bã không biết được thân này là của ai, cho nên gọi là giả hòa hợp. Lại tâm ôm lòng nghi ngờ gặp người liền hỏi thấy thân ta không? Chúng Tăng đáp thân ông vốn là của người khác để lại, chẳng phải tự ông có. Do đó liền ngộ đạo nên lấy đó đặt tên.

Châu-lợi Bàn-đà-già hán dịch là Xà Lô, hoặc dịch là Châu Lợi, hoặc dịch là Đại Lộ Biên, Bàn-đà-già dịch là Tiểu lộ biên, do sanh ở bên đường cho nên lấy đó đặt tên.

Nan-đà Hán dịch là Thiện Vui mừng cũng dịch là Hân Nhạo: Xưa ngài vốn là người chăn trâu nên lấy việc chăn trâu hỏi đố Đức Phật, Đức Phật nói pháp cho ông nghe ông vui mừng đắc đạo, cho nên có nơi gọi là Mục Ngưu Nan-đà, hoặc như trong luật gọi là Bạt-nan-đà.

A-nan-đà hán dịch Vui mừng, hoặc dịch Vô Nhiễm. Vua Tịnh Phạn nghe tin Thái tử thành đạo, vua rất vui mừng. Vua Phạn tâm việc sanh con, do cả nước đều vui mừng, nên lấy đó mà đặt tên.

La-hầu-la: Hán dịch là Phú chướng, là con của Thái Tử Tất-đạt-đa. Do vì trả báo đời trước nên nay ở trong thai mẹ sáu năm, nên gọi là Phú chướng. Ngài Chân-đế nói rằng: La-hầu, Khi sanh ngài Thân A-tu-la lấy tay che mặt trăng mặt trời nên gọi là Chướng Nguyệt. Phật dạy pháp của ta như mặt trăng, người này làm chướng ngại khiến cho ta không xuất gia sớm được, nhiều đời năng xả nên gọi là Phú Chướng.

Kiều-phạm-ba-đề: Hán dịch Ngưu Ty, hoặc dịch là Ngưu Vương, cũng dịch là Ngưu Tích. Xưa năm trăm đời từng làm Ngưu Vương, quả báo còn lại chưa hết, miệng thường nhai qua nhai lại, người đương thời gọi là Ngưu Ty, cũng do đó nên đặt tên là Ngưu Tích. Vì tránh người thế gian thấy vậy chê cười mang tội nên ngài thường ở trên cõi trời.

Tân-đầu-lô Phả-la-đọa, trên là họ Tân-đầu-lô. Hán dịch là Bất động (đây là gọi theo sự chứng đắc của Ngài), Phả-la-đọa Chân-đế dịch là Tiệp Tật, hoặc Lợi Căn, hoặc Quảng Ngữ (nói về căn tánh của Ngài) là một họ trong mười tám họ Bà-la-môn.

Ca-lưu-đà-di, Hán dịch là Hắc Quang, hoặc dịch là Thô hắc, từ hình dáng tướng mạo mà đặt tên.

Kiếp-tân-na, Hán dịch là Phòng Tú, cha mẹ ngài do cầu nguyện ngôi sao ấy mà sanh ra ngài nên lấy tên đó đặt tên. Lại nói rằng khi ngài mới xuất gia muốn đến ra mắt Phật, nhưng đi giữa đường gặp lúc trời mưa, đêm ấy ngủ nhờ trong nhà người thợ gốm, tình cờ lại có một vị Tỳ-kheo (do Phật hóa hiện) đến sau cùng ngủ chung trong nhà ấy. Vị

Tỳ-kheo đến trước đưa thảm cỏ cho ngồi, vị Tỳ-kheo đến sau nói pháp cho vị tới trước, do đó vị Tỳ-kheo đến trước ấy bỗng nhiên đắc đạo. Vị đến sau chính là Đức Phật hóa hiện. Cùng Đức Phật ngủ chung phòng nên gọi là Phòng túc, từ đó đắc đạo nên lấy đó đặt tên.

Bạc-câu-la, Hán dịch Thiện Dung, cũng dịch là Vĩ Hình, vì hình sắc tướng mạo khô ngô cho nên gọi là Thiện Dung. Vì Ngài sống lâu đến một trăm sáu mươi tuổi mà không bệnh tật chết yểu, do đời trước giữ giới bất sát, nên chín mươi một kiếp thường sống lâu như thế. Lại đời trước ngài có cúng dường trái A-lê-lặc cho vị Tỳ-kheo bệnh, nên thân thường không bệnh nay cảm quả báo cao quý này do đó mà đặt tên.

A-nậu-lâu-đà cũng dịch là A-na-luật, hoặc dịch A-nê-lô-đầu, đều từ âm Phạm cắt bớt, Hán dịch Vô bản, cũng dịch là Như ý, hoặc dịch là Vô Yết. Ngày xưa gặp lúc đói kém Ngài cúng cơm lúa trời cho một vị Bích-chi-phật nên được hưởng phước chín mươi một kiếp của cái đầy đủ, do đó mà đặt tên.

#### 4. Tổng kết.

Tóm lược nêu bậc Thượng thủ gồm mười sáu vị, không thể nêu hết, cho nên nói các vị “Như thế”.

Ngài Nam Sơn chép: Học sau ta là đệ, sự hiểu biết có ra từ ta là tử.

#### • Bồ-tát chia làm ba:

- Nêu số.
- “Văn thù” v.v... trở xuống là nêu danh.
- “Dữ như” v.v... trở xuống là tổng kết.

#### 1. Nêu số:

Đồng nghe rất nhiều, lược nêu bốn tên nên gọi là “Chư”.

Bồ-tát là gọi lược từ tiếng Phạm, Thiên Thai Giới Số chép: Ma-ha Bồ-đề Chất-đế-tát-đỏa, Hán dịch là Đại đạo tâm thành chúng sanh. Hoặc dịch: Bồ-tát dịch là Giác hữu tình, giác nghĩa là trên cầu, tức là trí, hữu tình nghĩa là dưới hóa độ, tức là Bi.

#### 2. Liệt nêu danh.

Văn thù Sư lợi cũng gọi là Mạn thù thất lợi, Hán dịch là Diệu Cát Tường, Diệu tức là nêu chỗ chứng kia. Cát Tường là tốt đẹp làm lợi ích an vui vật.

Hoặc nói Diệu Đức nghĩa cũng đồng.

“Nói đôi giống Phật” gọi là Pháp vương tử. Luận Trí Độ chép: Phật là đấng Pháp Vương, Bồ-tát vào ngôi chánh pháp cho đến Thập địa đều gọi là Pháp vương tử, chính biết danh này bao gồm các địa vị.

A-dật-đa: Hán dịch là Vô Năng Thắng, nói trí tuệ và tâm Từ bi của Ngài người tiểu thừa thiên chấp không sánh bằng.

Càn-đà-ha-đề: Hán dịch là Bất Hưu tức. Vì ngài tu nhân độ vô tận chúng sanh nên cảm quả vô cùng.

Thường Tinh Tấn là chúng sanh vô lượng trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh không chút biếng nhác.

### 3. Tổng kết.

Nhưng danh hiệu Bồ-tát chung từ đầu đến cuối, như trên có nêu, đều là địa vị bồ xứ hoặc là bóng, tiếng vang quyền hiện nên nói “các Đại”.

- Chúng trời người.

Thích Đề-hoàn-nhân nói đủ là Thích-ca Nhân-đà-la, Hán dịch Năng Thiên Đế, tức chủ tằng trời Ba Mươi Ba. Nay nói Đế-Thích tức là nêu cả Hoa lẫn Phạn.

Các vị chủ trời Đại Phạm và trời Tứ vương rất nhiều, không thể nêu hết được, nên nói là vô lượng.

Lại bao gồm bốn chúng đạo tục, tám bộ rồng thần quỷ nên gọi là cùng với “Đại chúng”.

Trong bài tựa thì nêu lược, xem lời văn trong phần lưu thông.

## II. PHẦN CHÁNH TÔNG

Phần Chánh tông, chia làm ba đoạn:

- Từ đầu đến “Nhóm họp một chỗ”, trước là khen ngợi y báo chánh báo trang nghiêm, khiến chúng sanh tâm vui mừng, kính mến.

- Từ “Không thể với chút ít” v.v... trở xuống là phần chính nêu chuyên niệm Phật, trì danh hiệu, dạy phương pháp tu hành.

- Từ “Như hôm nay ta” v.v... trở xuống đến hết là dẫn Chư Phật đồng khen ngợi khuyến tin thọ trì.

Khoa chia làm ba tiết hết một kinh, phần lớn các bậc có trí đã thử xem xét tư duy điều này. Trong phần đầu lại chia làm hai:

### 1. Nêu chung y báo chánh báo:

Hai câu trên chỉ người nghe pháp, chúng nhóm họp liền nói pháp cho nên nói bấy giờ.

Thân tử đại quyền, trí tuệ bậc nhất, biết ngôn ngữ hiểu rõ ý rất khế hợp với hoài bão của Phật, cho nên các kinh phần lớn lấy ngài làm người đối thoại với Phật.

Kinh Di-lặc Hạ Sanh dạy: Đại trí Xá-lợi-phất có thể theo Phật xoay bánh xe pháp, là vị đại tướng của Phật pháp, mới biết Thân Tử

biện tài siêu vượt lẽ thường cho đến kinh này đặc biệt không một lời nghi ngờ thừa hỏi, từ đầu đến hết đều là Đức Như lai gọi để dạy bảo, tức hướng đến cái gọi là ý nghĩa nêu bày mà đồng không biết.

“Từ cõi này” v.v... trở xuống tức những việc Phật dạy, bốn câu trên nêu y báo.

Tịnh độ nhiều thứ như các luận khác. Nay ở đây nêu là tịnh độ đồng cư. Như thế sự, quốc gia, phương hướng xa gần cả hai đều nhất định. Vì đối lập với sự cực khổ của thế giới này nên gọi thế giới kia là Cực lạc, cũng gọi là An vui, cũng gọi là An dưỡng.

Mười muôn ức cõi chúng sanh, phàm phu nghi ngờ cho là xa, nhưng chỉ trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay hoặc búng ngón tay thì có thể đến nơi.

- Do tịnh uế mười phương đồng nhất tâm.

- Do tâm niệm nhanh chóng không thể suy suy nghĩ bàn luận luận.

Luận Thập Nghi chép: Chỉ muốn chúng sanh tịnh nghiệp thành tựu, khi qua đời tâm ở trong định tức là tâm thọ sanh tịnh độ, động niệm tức là thời khắc sanh tịnh độ, do đó Quán kinh nói rằng Tịnh độ của Đức Di-đà cách đây không xa.

Lại nghiệp lực của tâm bất tư nghị, một niệm liền được sanh không nên lo xa v.v...

Ba câu dưới là nêu chánh báo:

Chỉ nói hóa chủ thì bao gồm cả đồ chúng, tóm lược chẳng phải quá khứ vị lai cho nên nói hiện tại.

2. *Giải thích riêng y báo chánh báo:*

Từ “Xá-lợi” v.v... trở xuống, lại có hai phần:

- Từ đầu cho đến “trang nghiêm” giải thích y báo.

- “Xá-lợi-phất ý ông nghĩ sao” v.v... trở xuống là kể nêu chánh báo.

• Trong phần đầu lại có hai phần:

- Lược giải thích danh nghĩa.

- “Lại Xá-lợi-phất” v.v... trở xuống là nói rộng tướng cao quý.

a. Ba câu trên là nêu dẫn hỏi.

♦ Bốn câu dưới là giải thích chung.

“Không có các khổ”, đối lập hiển bày Ta-bà khiến sinh vui thích hay nhàm chán.

Ba cõi sáu đường gọi chung là quả khổ. Trong đó lại có tám khổ, năm khổ, ba khổ. Sanh, già, bệnh, chết, bần khổ, ái biệt ly, oán tăng hội, cầu bất đắc khổ là tám khổ.

Sát, đao, dâm, vọng, uống rượu năm thứ nghiệp ác đều là nhân khổ, sẽ chiêu cảm quả khổ, nên gọi là năm khổ. Khổ khổ, hoại khổ, hành khổ là ba thứ khổ.

Trong các kinh luận lược nêu danh số.

Xét kỹ mà luận thì cõi Nhân (Ta-bà) tất cả đều khổ không có một điều gì đáng vui, nhà lửa, lao ngục chưa đủ làm ví dụ.

Di-đà Tịnh độ, cảnh giới cao siêu tuyệt diệu, Thánh hiền đồng hội, nghe pháp ngộ đạo, tuổi thọ nhiều kiếp, không lui sụt tâm Bồ-đề. Lại có các điều vui không gì vượt hơn đây, không có các khổ có thể gọi là vui, huống chi đây đủ các sự cao quý, vui kia làm sao cùng tận, cho nên gọi là Cực.

Trong Đại Bản chép: Dù ta được thành Phật, các trời, người ở trong cõi nước ta thọ sự vui sướng không bằng Tỳ-kheo lậu tận thì ta không thành Chánh Giác.

Ngài Thiện Đạo nói rằng: Nguyên sanh nước kia thì phải chuyên tâm giữ mình, đến khi qua đời hy vọng về cõi kia, hình thể dường như còn chút khổ, niệm trước qua đời niệm sau liền sanh, thời gian lâu dài nhiều kiếp thọ pháp lạc vô vi, thẳng đến thành Phật không còn sanh tử, đâu không vui sướng ư!

b. Nói rộng về trong y báo cõi nước tai mắt đối nhau không ngoài Thanh sắc.

Y theo kinh, phần sau tổng kết thành tựu trang nghiêm chỉ có ba chỗ, tức là ba đoạn:

- Lan can, lưới giăng, hàng cây, ao sen, chỉ gồm các sắc mẫu nhiệm trang nghiêm.

- Đất vàng, mưa hoa, âm nhạc gồm các màu sắc âm thanh trang nghiêm.

- Chim hót, gió cây chỉ gồm pháp âm trang nghiêm.

Cho nên nay khoa so với xưa hoàn toàn khác nhau, xin khảo sát trong văn kinh, không nên chấp theo văn cũ.

• Y theo phần đầu, Trang nghiêm chia làm hai phần:

- Từ đầu đến “Hương khiết” là nêu tướng.

- “Xá-lợi” v.v... trở xuống là hai phần tổng kết là nêu bày.

+ Nêu tướng lại có hai phần:

Từ đầu đến “Cực lạc” là nêu lan can, hàng cây, lưới giăng để hiển bày danh.

“Lại Xá-lợi-phất” v.v... trở xuống là dẫn ao nước, lầu gác, hoa sen bày báu để chỉ bày tướng.

Bảy câu trên trong phần đầu là nêu tướng, hai câu dưới là tổng kết danh.

Nói hàng cây ấy bao quanh bảy lớp. Mỗi hàng cây cao tám ngàn do-tuần, thứ lớp từng hàng ngay ngắn không lộn xộn, cành lá cây kia trên dưới có bảy lớp lưới báu giăng phủ trên cây, hình dáng đồng với Tháp Phật.

Quán kinh chép: Lưới võng bằng châu báu màu nhiệm bao phủ trên hàng cây, trên mỗi cây có bảy lớp lưới giăng, giữa mỗi lớp lưới có năm trăm ức cung điện tốt đẹp màu nhiệm. Dưới một lớp cây có một lớp lan can, cũng có bảy lớp lưới giăng, là châu báu anh lạc cũng ở trên cây. Thì biết “Đều là” v.v... trở xuống hai câu chỉ hiển bày thể của hàng cây lan can.

- Vàng.

- Bạc.

- Lưu ly.

- Pha lê.

Đó là bốn báu.

Chánh nêu bày.

Nếu theo Quán Kinh nói bảy báu hoa lá đều đầy đủ, lại trong Đại bốn nói gốc cành nhánh lá đều bảy báu lẫn lộn.

Trong đây lược nêu dựa theo văn khác.

“Bao bọc chung quanh”, có người nói rằng: Chỗ ở Chư Phật và Bồ-tát đều như vậy, chẳng phải cho là một nước chỉ có bảy lớp thôi.

Tổng kết danh đã nói xong, các thứ trang nghiêm dưới đây theo lệ thuận với lời tổng kết này.

Ao nước lầu gác trong đó chia làm bốn phần:

- Nói về nước ao.

- Bờ ao, thêm đường.

- Lầu gác, trên thêm.

- Hoa sen trong ao.

\* Ao bảy báu, nước kia có tám ao đều bằng bảy báu.

Nước trong ao cũng có sắc bảy báu gọi là tám tính chất tốt:

1. Lóng trong.

2. Mát mẻ.

3. Ngon ngọt.

4. Nhẹ mềm.

5. Nhuần láng.

6. An hòa.

7. Hết đói khát.

8. Nuôi lớn các căn.

Mỗi một ao tâm có ngọc như ý vương, nước từ ngọc rót vào trong ao.

Cát vàng khắp đất, Quán kinh chép: Xa cừ trở xuống nói cát dưới đáy ao đều bằng các thứ kim cương nhiều màu.

\* Thêm thang cũng là bốn báu.

\* Nói về lầu gác, là nêu bảy báu

Quán kinh chép: Cõi nước các báu, trên mỗi cõi có năm trăm ỨC lầu gác báu.

Tiếng Phạm là lưu ly, Hán dịch là Bất Viễn. Cách thành Ba-la-nại có ngọn núi, trong núi ấy sanh ra ngọc báu này.

Pha lê, cũng gọi là Phả-nị-ca, Hán dịch là thủy ngọc, hoặc dịch là thủy tinh.

Xa cừ trở xuống đều là tiếng Hán như cừ của xe, cừ là vành bánh xe.

Xích châu: Luận Phật Địa chép: Loài trùng đỏ sanh ra ngọc này vì thể của nó màu đỏ.

Mã não: Pháp sư Ứng chép: Vật báu này màu sắc đỏ như sọ con ngựa.

Đại Bản chép: Nếu ta thành Phật, từ đất đến hư không, cung điện, lầu gác, ao, dòng nước, hoa cây đều bằng vô lượng các báu màu sắc lẫn lộn, trăm ngàn thứ hương cùng hợp thành, các thứ nghiêm sức diệu kỳ vượt hơn trời, người v.v...

\* Chỉ bày hoa sen. Có năm việc:

1. Hình lượng.

2. Hiển sắc.

3. Ánh sáng.

4. Hương thơm.

5. Trong sạch.

Đối chiếu văn sẽ thấy.

Như trong Quán Kinh chép: Trong mỗi ao có sáu mươi ỨC hoa sen bằng bảy báu, mỗi hoa sen tròn tựa vừa đúng mười hai do-tuần.

Đã nói bảy báu chẳng những nêu bốn màu, mười hai do-tuần, chẳng những chỉ như bánh xe. Nhưng bánh xe có lớn nhỏ khó có tiêu chuẩn, ở đây nói bánh xe lớn nhất cũng chẳng qua vài thước (thước ta), có thể y theo bánh xe của vị luân vương làm hạn mức.

Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa chép: Bánh xe vàng của vua Chuyển



luân có ngàn cãm, trục bánh xe bằng các thứ châu báu vành bánh xe, lưu ly làm bằng v.v... trang nghiêm chu vi mười lăm dặm, y theo đây chưa bằng phân nửa do-tuần, cũng chỉ gọi là bánh xe nhỏ.

Sở dĩ hai kinh khác nhau, ngài Từ Ân chép: Hoa có lớn có nhỏ, hoa ở cõi kia rất lớn, hoa ở cõi này rất nhỏ.

Nay căn cứ theo Đại Bản, hoa sen trong ao hoặc một do-tuần, cho đến trăm ngàn do-tuần. Thời biết Đại Tiểu khác nhau, trong kinh chỉ là tùy nghi mà nêu lên thôi. Không nên lấy ý này mà phân biệt kinh tốt xấu hay dở.

+ Kết nêu.

“Như thế” là chỉ cho nhiều tướng cao đẹp màu nhiệm ở trên đều do hạnh nguyện Bồ-đề từ nhân đến quả trải qua nhiều kiếp huân tu của Đức Phật A-di-đà mà thành tựu, cho nên nói là công đức trang nghiêm. Quán Kinh chép: Các hoa màu nhiệm này là do nguyện lực của Tỳ-kheo Pháp Tạng mà thành, các việc khác cũng đều như vậy, đâu chỉ có tòa hoa thôi ư! Bốn mươi tám nguyện tổng kết rằng: Đức Phật kia ở trong đại chúng kiến lập nguyện này rồi một lòng một dạ trang nghiêm cõi nước màu nhiệm kia v.v...

Dưới tổng kết các văn đều đồng với giải thích này.

• Trang nghiêm thứ hai có hai phần:

a. Nêu tướng “Xá-lợi...” v.v... trở xuống.

b. Kết nêu.

Trong phần a có ba phần:

- Nhạc trời.

- Vàng ròng.

- Hoa trời.

\* “Thường trỗi nhạc trời”, theo trong Quán Kinh: Nhạc trời có ba thứ. Trong Thủy Quán chép: Trăm ức cột hoa có vô lượng nhạc khí để trang nghiêm, tám thứ gió mát thổi đánh vào các nhạc khí này v.v... lại Quán Lâu chép rằng: Trong lầu gác kia có vô lượng chư Thiên trỗi các kỹ nhạc trời, lại có nhạc khí treo lơ lửng giữa hư không, không ai đánh tự nhiên lên tiếng.

Theo kinh dưới đây dạy: Gió thổi lướt giăng trên cây như trăm ngàn thứ nhạc, cho nên biết cõi kia nhạc trời chẳng phải một thứ.

\* “Đất bằng vàng ròng”

Đất bằng vàng ròng Quán Kinh nói cõi nước kia đất bằng lưu ly, dùng dây bằng vàng ròng xen lẫn nhau, lại dùng bảy thứ báu làm giới hạn ngăn chia rõ ràng. Nay nói vàng ròng chính là mặt đất trang

nghiêm.

\* Hoa trời lại có ba phần:

- Sáu thời mưa hoa.

- “Cõi ấy” v.v... trở xuống là: Đựng hoa cúng dường.

- “Ngay trong ” v.v... trở xuống: Cúng dường xong trở về cõi nước mình.

- Cõi nước kia ánh sáng thường chiếu soi, đã không có mặt trời mặt trăng thì không có ngày đêm, thuận theo căn cơ chúng sanh ở cõi này mà nói sáu thời.

Đại Bản chép: Cõi kia lấy hoa nở chim kêu làm buổi sáng, hoa khép, chim về tổ làm đêm.

Mạn-đà-la, Hán dịch Thích Ý, vì hoa kia rất đẹp, lại dịch bạch hoa, vì nói theo màu sắc.

- “Chúng sanh cõi ấy” là gọi chung chín phẩm. “Y kích” ngài Chân-đế nói rằng đó là cái giỏ đựng hoa của người nước ngoài.

Vừa mới sanh về nước kia liền được sáu thông, mỗi ngày đi đến phương khác để nghe pháp. Quán Kinh chép: Đúng thời thì có thể bay đi đến khắp mười phương hầu hạ Chư Phật. Lại đến khắp mười phương cúng dường Chư Phật, ở trước Chư Phật nghe pháp sâu xa v.v... “mười muôn ức” là nêu số nhiều.

- “Thực thời” là trước giờ ngộ.

Trong Đại Bản chép: Cõi nước kia cung điện, y phục, thức uống ăn, các vật tự nhiên có như ở tầng trời thứ sáu. Nếu muốn ăn thì bình bát bảy báu tự nhiên hiện ở trước, trăm món ăn uống đầy đầy trong đó. Tuy ở đây có ăn mà thật không ăn, chỉ thấy sắc ngửi hương, ý cho là ăn tự nhiên no đủ, ăn xong thức ăn tự hóa hiện đi, đến giờ ăn nó lại hiện ra.

Ký Quy Truyện chép: Đạo tục ở tầng trời thứ năm phần nhiều đi kinh hành, thẳng đến thẳng đi tuân theo một đường như đường sợi dẹt vải, nên gọi là kinh hành.

Luật Tứ Phần chép: Kinh hành có năm điều lợi ích:

1. Có khả năng đi xa.

2. Có thể tư duy.

3. Ít bệnh hoạn.

4. Tiêu thức ăn.

5. Được định tâm lâu dài.

• Tổng kết nêu đồng như trước. Ký: Trong tổng kết nêu đồng như trước có hai:

- Nguyện hạnh của Đức Phật A-di-đà trải qua nhiều kiếp huân tu

mà thành tựu cho nên nói công đức trang nghiêm, cho đến dẫn kinh đều đồng như trước giải thích.

- Đề nêu tổng kết rằng: "Cho nên cõi nước kia tên là Cực lạc".

Trang nghiêm thứ ba cũng có hai phần:

- Nêu tướng từ "Xá-lợi" v.v... trở xuống.

- Tổng kết nêu bày.

+ Nêu tướng lại có hai phần:

\* Từ đầu đến "Các chim được hóa ra là" diễn bày thánh pháp, "Xá-lợi-phất" v.v... trở xuống là:

\* Cây, gió phát ra âm thanh vi vu.

Trong phần: Từ đầu đến "Các chim được hóa ra là" diễn bày thánh pháp, "Xá-lợi-phất" v.v... trở xuống lại có hai phần:

- Chánh nêu. "Xá-lợi-phất" v.v... trở xuống:

- Là giải thích nghi.

♦ Chánh nêu có ba phần:

- Nêu các loài chim.

Lược nêu sáu thứ chim, ba thứ trước dễ biết.

Xá-lợi Hán dịch là Xuân oanh hoặc dịch là Thu lộ

Ca-lăng-tần-già, Hán dịch là Diệu thanh, khi còn trong trứng tiếng kêu đã hay hơn các loài chim khác.

Cọng mạng, chim này một thân mà hai đầu, thân quả báo thì đồng, nhưng thần thức có khác, cho nên kinh Pháp Hoa dịch là Mạng Mạng Điều.

Quán Kinh nói lại có các loài chim như le le, Uyên ương, chim Nhạn trăm màu sắc quý báu v.v...

- "Các chim này" v.v... trở xuống là nói về diễn pháp.

Hòa nhã là âm thanh rung cảm đến người. "Diễn xướng" nghĩa là nói pháp không ngăn trệ.

Ngũ căn: Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Vì có công năng sanh ra thánh đạo, nên gọi chung là căn. Ngay năm pháp này có thể dẹp trừ nghiệp hoặc nên gọi là năm lực.

Bảy phần Bồ-đề tức bảy Giác chi:

1. Trạch pháp.

2. Tinh tấn.

3. Hỷ.

4. Trừ.

5. Định.

6. Xả.

## 7. Niệm giác chi.

Thật sự giác ngộ bảy việc này thì có thể đạt đến quả Vô học nên gọi là phần.

Tám phần chánh đạo:

1. Chánh kiến.
2. Chánh tư duy.
3. Chánh ngữ.
4. Chánh nghiệp.
5. Chánh mạng.
6. Chánh tinh tấn.
7. Chánh niệm.
8. Chánh định.

Hai tuệ học trước, ba giới học giữa, ba định học sau, tức là lìa mình ba học.

Sơ quả đã thấy lý Chân-đế đều gọi là chánh đạo, cũng gọi là Thánh đạo. Các thứ khác như pháp giới lần lượt có nói .

Quán Kinh chép: Thường khen ngợi niệm Phật, niệm pháp, niệm Tăng, hoặc nói khổ, không, vô thường, vô ngã, các pháp Ba la mật, cho nên là “Các pháp như thế”.

- “Cõi ấy” trở xuống là hiển bày lợi ích muôn vật.

Niệm Phật biết ân Phật nặng, niệm pháp biết công pháp sâu, niệm tăng biết đức tăng lớn.

Lại, niệm Phật là nguyện mau chóng thành, niệm Pháp là nguyện siêng năng tu học, niệm Tăng là nguyện gần gũi tham dự. Lại niệm Phật thể tự tâm tức tự giác liễu, niệm Pháp tác tự tâm thì sanh thánh đạo, niệm Tăng tự tâm tức tùy duyên hòa hiệp. Có nhiều thứ tam bảo, tùy căn cơ cạn sâu. Nên biết cõi này tâm cấu uest thường ưa nhớ nghĩ năm dục, cõi kia tâm tịnh duyên niệm tam bảo sớm tối gìn giữ không có ý gì khác. Hai cõi thăng trầm ở đây có thể thấy.

• Giải thích nghi: Có hai đoạn.

- Từ đầu đến “Hữu thật” là ngăn dứt tâm nghi kia.

- “Thị chư” v.v... trở xuống là giải quyết việc nghi.

Phần Từ đầu đến “Hữu thật” là ngăn dứt tâm nghi kia. Chia làm ba tiết.

\* Ngăn dứt tâm nghi.

Loài súc sanh cõi đời vẫn đực do tội nghiệp chiêu cảm. Cõi tịnh Cực Lạc vì sao mà có?

\* “Sở dĩ” v.v... trở xuống là tiếp suy diễn rộng ý.

Cõi nước kia chỉ có hai đường trời, người.

Ngài Pháp tạng nguyện rằng: Nếu ta thành Phật, trong cõi nước ta nếu còn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì ta không thành chánh giác.

\* “Xá-lợi” v.v... trở xuống là nêu sự so sánh.

Đại Bản chép: Cõi nước kia không có tên ba đường khổ nạn, chỉ có âm thanh vui sướng tự nhiên, cho nên cõi nước kia gọi là An vui.

• Giải quyết nghi

“Đức Di-đà biến hóa”, theo Quán Kinh tức trong ao nước ngọc như ý châu vọt ra ánh sáng vàng chói, trong ánh sáng kia hóa thành các loài chim có trăm màu sắc báu, cùng hót tiếng êm ái êm tai, phải biết các loài chim đó đều là hóa thân của Đức Phật Di-đà vì muốn làm cho pháp âm truyền khắp mọi nơi gần xa mà ngài biến hóa ra, rõ biết chẳng phải do tội báo sanh ra.

Gió, cây, âm thanh mẫu nhiệm, chia làm hai phần:

- Nêu tướng.

Tức trước nói hàng cây, màn lưới gió thổi động thành âm thanh, âm thanh kia réo rắt như các thứ nhạc.

- “Nghe tiếng ấy” v.v... trở xuống là hiển bày sự lợi ích đồng như trước.

Tổng kết nêu rất dễ hiểu.

• Nói về chánh báo chia làm hai phần

- Ban đầu cho đến “Thập kiếp” là danh hiệu hóa chủ, “Xá-lợi-phất” v.v... trở xuống là:

- Nói về đồ chúng trang nghiêm. Phần một lại có hai phần:

+ Nêu câu hỏi. “Ý ông nghĩ sao” là xét xem ngài Thân Tử có

hiểu không.

+ Đã không đáp lời cho nên đó là giải thích chung. A-di-đà Hán dịch Vô Lượng: (Ánh sáng, Tuổi thọ). Vô lượng là chung, ánh sáng và tuổi thọ là riêng.

\* Ánh sáng vô lượng.

Ánh sáng Đức Phật có hai thứ:

- Ánh sáng lúc nào cũng có.

- Ánh sáng hiện khởi. Tùy căn cơ ẩn hiện có không, chẳng nhất định, nên gọi là hiện khởi.)

Nay đây chính là thường quang của Đức Phật Di-đà. (Ký: Trong văn trước nói nhất định có thể của ánh sáng. )

Đại Bản chép: Oai thần ánh sáng của Đức Phật Vô Lượng Thọ tối tôn bậc nhất, ánh sáng của Chư Phật không thể sánh kịp, cho nên hiệu

là Phật vô lượng Quang v.v... Cho đến ta nói ánh sáng của Đức Phật kia một kiếp còn không thể hết v.v... lại trong quán Phật nói: Thân của Đức Phật các lỗ chân lông phát ra ánh sáng như núi Tu Di, Đức Phật kia ánh sáng tròn chiếu cả trăm ức tam thiên đại thiên thế giới. Lại nói rằng Đức Phật kia có tám mươi bốn ngàn tướng, mỗi tướng lại có tám mươi bốn ngàn tướng tốt, mỗi tướng tốt có tám mươi bốn ngàn tia sáng, chiếu soi thế giới các mười phương, gom nhiếp tất cả chúng sanh niệm Phật không bỏ sót một ai. Phải biết chúng ta ở trong ánh sáng của Phật mà không biết, ánh sáng của Phật, thường gom nhiếp không nhằm chán bỏ sót. Cùng như người mù ở dưới mặt trời. Lại như loài giòi trùng thích ở trong nhà xí chỗ ô ứ. An ủi tự trách thật đáng đau xót.

\* Tuổi thọ vô lượng lại có hai phần: Nói về chủ bạn tuổi thọ vô lượng. “Xá Lợi” v.v... trở xuống là nêu quả thành kiếp số.

Tuổi thọ của Phật có hai phần:

- Pháp thân và Báo thân của hai Đức Phật xưa nay vô lượng.
- Ứng thân Phật đều đầy đủ hai hạn lượng dài ngắn.

Nay đây tịnh độ, Ứng thân Di-đà thị hiện lượng dài.

Đại Bản chép: Đức Phật kia tuổi thọ lâu dài không thể tính kể, dù cho vô lượng chúng sanh mười phương đều thành Thanh văn, Duyên giác đều cùng tập hợp đem hết trí lực trăm ngàn muôn kiếp, đều cùng nhau suy tính cũng không thể cùng tận.

Lại nói rằng: Chúng Thanh văn Bồ-tát trời người tuổi thọ dài ngắn cũng giống như vậy. Cho nên nói “Và người dân cõi ấy”.

A-tăng-kỳ: Hán dịch là Vô số, hoặc dịch a-tăng-kỳ-ya, dịch là Vô ương số.

Nêu kiếp số.

Nói “Mười kiếp”, theo kinh Pháp Hoa, vào thời Đức Đại Thông Trí Thắng Như lai xoay bánh xe pháp, thì Đức Phật A-di-đà là một trong mười sáu vị vương tử thỉnh Phật xoay bánh xe pháp ấy, Đức Phật Thích Ca đã trải qua nhiều số kiếp như cát bụi, thì Đức Phật Di-đà cũng vậy.

Chương Thế Chí trong Kinh Lăng Nghiêm, chép: Trong quá khứ hằng hà sa số kiếp có Đức Phật ra đời hiệu Vô Lượng Quang có mười hai Đức Như lai nối nhau ra đời trong một kiếp, theo Đại bản thì tức là Đức Phật A-di-đà. Nay Kinh Đại bản đều nói mười kiếp chính là hy vọng phù hợp căn cơ chúng sanh, không để cho họ nghi ngờ.

- Đồ chúng trang nghiêm, chia làm hai phần:

- Ban đầu đến “Kiếp ấy” chính là nêu thánh chúng.
- “Xá-lợi” v.v... trở xuống là tổng kết khuyên vãng sanh.

Trong phần đầu lại có hai phần:

- a. Từ đầu cho đến “Trang nghiêm” là nêu chung hai chúng.
- b. “Lại Xá -lợi” v.v... trở xuống là hiển bày riêng công hạnh.

• Trong phần a. lại có hai phần:

- Chánh nêu;
- Từ Xá-lợi trở xuống là tổng kết chỉ bày.

+ Đệ tử Thanh văn là ba hạng phẩm trung, các Bồ-tát là ba hạng phẩm thượng, gom nhiếp chung hàng sơ tâm, không lui sụt Bồ-đề, Bồ xứ Phật. Chúng là nói chung người ba thừa, chỉ không có Duyên giác, lẽ ra do chúng đoạn đồng thuộc về Thanh văn. Cho nên trong đại Bản chép: Bồ-tát, Thanh văn ở nước kia số ấy khó lường được không thể xưng kể hết, thần trí thông suốt, uy lực tự tại v.v...

Luận Vãng Sanh nói người nhị thừa không sanh, bởi có định tánh chọn lấy Niết-bàn, còn ở đây là người Thanh văn từng phát đại tâm cầu quả Phật Bồ-đề thị hiện tu tiểu hạnh. Kinh Pháp Hoa được thọ ký cho hạng Thanh văn chân thật, kinh Niết-bàn biết loại Bồ-tát thường xuất gia.

+ Tổng kết nêu bày.

Ở đây cũng do Đức Phật Di-đà hóa ra, đời sau sanh về cõi kia, tu nhân chứng quả, uy thần nói pháp để trang nghiêm cõi nước, nghĩa đồng như trước giải thích.

• Hiển bày riêng.

Chúng sanh sanh về cõi đó gom nhiếp chung chín phẩm.

A-bệ-bạt-trí Hán dịch không lui sụt chuyển. Đoạn dưới chép: Các vị này đều đắc không lui sụt A-nậu Bồ-đề. Thì biết sanh ở cõi kia ấy là dưới từ hàng phàm phu thẳng đến thành Phật, không còn lui sụt, đọa lạc.

Luận Thập Nghi chép: Cõi nước kia có năm nhân duyên cho nên không lui sụt:

1. nguyện lực của Đức Phật Di-đà nhiếp trì;
2. Ánh sáng Đức Phật thường chiếu soi.
3. Chim, nước, rừng cây, thường nói pháp.
4. Toàn các vị Bồ-tát làm bạn, không có các ác duyên.
5. Tuổi thọ vĩnh kiếp. Các luận khác cũng nói rộng như đây.

“Nhất sanh bồ xứ” tức Đẳng Giác Bồ-tát.

Như các ngài Quan Âm, Thế Chí v.v... chúng loại đã nhiều chẳng phải toán số tính được, chỉ có thể nói A tăng kỳ thôi.

Hỏi: Đắc quả Vô sinh pháp nhẫn và địa vị Bồ xứ thì chỉ nên thị

hiện vào năm đường, nhập vào ba đường cứu khổ chúng sanh, vì sao cứ ở mãi nơi Tịnh độ!

Đáp: Tùy chí nguyện mỗi người mà việc nhiếp hóa chúng sanh có khác nhau. Hoặc đạo chơi trong mười phương, hoặc qua lại trong ba cõi để giảng nói chánh pháp, giáo hóa làm lợi ích an vui cho chúng sanh.

Đại Bản chép: Hằng sa cõi Phật trong mười phương, vô lượng Bồ-tát đều sanh trong nước ấy, cung kính cúng dường, nghe thọ kinh pháp, giảng nói đạo pháp, giáo hóa chúng sanh. Lại nói rằng: Ở thế giới này có sáu mươi bảy ức Bồ-tát không lui sụt vãng sanh về cõi đó. Lại, Phật thọ ký cho Bồ-tát trong mười phương đều được vãng sanh, nói rộng như trong quyển hạ.

• Kết khuyến.

a. Chính khuyến.

“Chúng sanh nào nghe”, là chỉ chung cho đời mạng pháp nghe kinh trên. Khuyến khiến chúng sanh phát nguyện, nguyện sẽ dẫn đến việc tu hành, tu hành thì cảm quả.

”Sở dĩ” v.v... trở xuống là nêu ý.

“Như thị” là chỉ chỗ đã nêu bày trước đó là thánh chúng ba thừa đều là người thiện. Muốn nói cõi này ba đường ác đầy dẫy, đều là bất thiện chứa nhóm đáng nhàm chán.

b. Chính là nêu hành pháp chia làm ba đoạn:

- Từ đầu đến “Nước kia” là phân biệt với các điều thiện khác không sanh.

- “Nếu có” v.v... trở xuống chính là nêu pháp tu.

- “Ta thấy” v.v... trở xuống là tổng kết hiển bày ý khuyến khích.

+ Đức Như lai muốn nói về công đức trì danh cao quý, bác bỏ các điều thiện khác đều là gốc lành ít.

Các việc bố thí, trì giới, xây chùa đúc tượng, ngồi thiền, lễ tụng, sám niệm, khổ hạnh tất cả phước nghiệp, nếu không có chánh tín hồi hướng nguyện cầu, đều là chút ít điều lành chẳng phải nhân vãng sanh. Nếu nương vào kinh này chấp trì danh hiệu thì chắc chắn được vãng sanh vì nhiều gốc lành, nhiều phước đức. Xưa giải thích điều này mọi người còn do dự không quyết. Gần đây Tương Dương có bản kinh khắc trong bia đá, văn lý sâu xa phù hợp với căn cơ chúng sanh nên chúng sinh mới có tâm tin sâu.

Kinh đó chép: Thiện nam, thiện nữ nghe nói Phật A-di-đà, mà nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu, do xưng danh nên các tội tiêu diệt, tức được nhiều công đức, nhiều gốc lành, nhiều phước đức nhân



duyên.

Bản kinh khắc trong bia đá do người đời Lương, đời Trần khắc đến nay đã hơn sáu trăm năm, thậm nghi rằng bản kinh ngày nay tương truyền là lầm lộn.

+ Trong phần này chia làm ba phần:

- Ban đầu đến “Bất loạn” là chuyên niệm trì danh.
- “Người ấy” v.v... trở xuống: là Qua đời cảm đến thánh.
- “Người ấy” v.v... trở xuống: Chánh niệm vãng sanh.

\* Hai câu đầu là căn cơ trì danh hiệu không phân biệt nam nữ.

Hai câu kế là khuyến tín nhận, hoặc lật kinh điển ra, hoặc nghe thiện tri thức nói chắc chắn sẽ sanh lòng tin, tin cho nên trì danh.

Tiếp bảy câu là nói về kỳ hạn: Một ngày hay bảy ngày tùy quyết định mỗi người. Theo chế pháp của kinh này thì phải nương vào lý; Nếu theo Đại Bản, Quán Kinh thì không hạn định số ngày, trở xuống đến mười niệm đều được vãng sanh. Mười niệm tức mười câu.

Một câu sau dạy buộc niệm. Một câu kinh này chính nói về thành nghiệp. Trước phải buộc niệm, mặt hướng về phương Tây, chấp tay, thân ngay ngắn. Từ xa tưởng tượng Đức Phật kia hiện ngồi đạo tràng, y báo chánh báo trang nghiêm, ánh sáng, tướng tốt, tự than thở thân này từ lâu chìm đắm trong biển khổ, phiêu lưu trong đường sanh tử, đơn độc không có nơi nương tựa. Thí như đứa trẻ nhỏ bị rơi vào hầm hố, kêu gọi cha mẹ gấp đến cứu nguy. Một lòng nương tựa khẩn cầu đến giải thoát, từng tiếng nối tiếp, niệm niệm không rời. Tuy lại lý sự hành có sai khác, định tâm hay tán loạn căn cơ sai khác nhau, đều thành tịnh nghiệp, đều được vãng sanh. Không như vậy thì không ghi nhớ, duyên bên ngoài thì chắc chắn thành phước không thật.

Ngài Thiện Đạo hỏi rằng: Vì sao không tu quán mà chỉ khiến xưng danh hiệu, là có ý gì?

Đáp: Vì chúng sanh chướng nặng cảnh tế, tâm thô, thức như gió lốc bay nhanh thần tốc nên quán khó thành tựu, do đó nên bậc Đại Thánh Từ bi thương xót khuyên chuyên xưng trì danh hiệu, chính do xưng danh dễ, chỉ niệm nối tiếp liền được vãng sanh.

Lại nói rằng: Đức Phật A-di-đà xưa phát thệ nguyện sâu nặng, dùng ánh sáng, danh hiệu nhiếp hóa chúng sanh khắp mười phương, chỉ khiến tín tâm cầu niệm, trên quán hết một hình ảnh (quán ánh sáng...) dưới đến mười câu một câu v.v... nhờ nguyện lực của Phật dễ được vãng sanh.

Hỏi: Thấu đạt các pháp vốn không, tâm tịnh thì cõi tịnh, đâu cần

niệm Phật cầu sanh tịnh độ?

Đáp: nếu chân thật đạt được lý, thì nói năng hay im lặng đều như nhau không ngăn ngại sự tu trì, đâu có ngăn ngại việc niệm Phật. Nếu bác bỏ niệm Phật thì chưa gọi là người thấu đạt. Vì sao như vậy? Đã đạt pháp không thì không trụ vào tướng, đã thường niệm Phật chẳng chìm đắm vào không. Siêu vượt hai bên dung hòa trung đạo. Niệm niệm khế hợp pháp thân Di-đà, tầng tiếng lưu nhập biển, tát-bà-nhã (nhất thiết trí). Khi qua đời chắc chắn thượng phẩm thượng sanh. Đâu chẳng phải tâm tịnh thì cõi Phật tịnh ư?

Cho nên luận Thập Nghi chép: Người trí nôn nóng muốn cầu sanh Tịnh độ, thông đạt thể sanh chẳng thật có, đây chính là vô sanh chân thật, chẳng phải cho rằng ngoài pháp sanh có vô sanh riêng. Kinh Tịnh Danh chép: Tuy biết các cõi Phật và chúng sanh là không, nhưng thường tu tịnh độ, giáo hóa chúng sanh, tức ở đây nói.

Hỏi: Trong Quán Kinh chép: Tâm ấy là Phật, tâm ấy thành Phật thì đâu cần niệm Phật nào khác?

Đáp: Chỉ vì tâm vốn là Phật cho nên khiến chúng sanh chuyên niệm Đức Phật kia.

Kinh Phạm Võng chép: “Thường phải tự biết ta là Phật chưa thành, Chư Phật là Phật đã thành.” Tâm Phật của ông chưa thành Phật, Đức Phật Di-đà đã thành Phật. Phật chưa thành lâu ngày chìm đắm trong biển ái dục, đầy dẫy phiền não, tối tăm mờ mịt không có lúc nào ra khỏi. Phật đã thành từ lâu đã chứng quả Bồ-đề, đầy đủ oai thần có khả năng cứu giúp vạn vật. Vì vậy cho nên các kinh khuyên khiến niệm Phật, tức vì mình chưa thành Phật cầu cho người khác đã thành Phật mà cứu giúp cho. Cho nên chúng sanh nếu không niệm Phật kia thì thánh phàm mãi mãi cách nhau, cha con lìa nhau lâu ngày trong luân hồi, cách Phật rất xa.

Hỏi rằng: Bốn chữ “Chấp trì danh hiệu” v.v... trở xuống thường nghe, có gì hơn mà có thể siêu vượt các điều thiện!

Đáp: Thân Phật phi tướng, quả đức sâu dày không lập danh tốt thì đẹp, chẳng hiển bày diệu thể. Mười phương ba đời đều có danh khác, hướng chi Đức Phật Di-đà của chúng ta dùng danh tiếp độ vạn vật. Do đó tai nghe, miệng tụng vô biên thánh đức thâm nhập thức tâm, mãi mãi làm hạt giống Phật, mau trừ tội nặng trong vô lượng ức kiếp, chứng được Bồ-đề vô thượng. Tin biết chẳng phải chút ít gốc lành mà là rất nhiều công đức.

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Thà chịu khổ ở địa ngục này mà được

nghe danh hiệu Chư Phật, chứ không thọ hưởng vô lượng sự an vui mà không được nghe danh hiệu Phật.

Kinh Dược Sư chép: Nếu danh hiệu Đức Phật kia lọt vào tai thì chúng sinh đọa trong đường ác liền ra khỏi địa ngục. A-nan! Cảnh giới Chư Phật rất khó tin, đều do uy lực của Như lai, Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng thể tin nhận, chỉ trừ bổ xứ Bồ-tát mà thôi.

Kinh Chiêm Sát chép: Muốn sanh về Tịnh độ hiện tại ở phương khác thì phải chuyên ý niệm tụng danh hiệu Đức Phật ở thế giới ấy đến nhất tâm bất loạn, thì chắc chắn được vãng sanh về cõi của Đức Phật kia, gốc lành thêm lớn, mau được quả không lui sụt. Nên biết trong tất cả gốc lành, nghiệp kia rất cao quý v.v...

Danh hiệu Chư Phật khác trì tụng còn được như vậy, huống chi Đức Phật Di-đà của chúng ta có thế nguyện này! Đời mạt pháp thế tục chướng nặng nghiệp dày, phần nhiều xao lãng trì danh, cho nên nương dẫn tới lời thánh tướng rằng cũng không phải lo trễ.

\* Chiêu Cảm đến thánh.

“Người ấy” v.v... trở xuống, “Người ấy” là chỉ người tu pháp chấp trì danh ở phần trên. Khi qua đời được nhiếp dẫn nhờ bốn nguyện của Đức Phật Di-đà. Đại kinh dạy: Chúng sanh trong mười phương đốc lòng phát nguyện muốn sanh về nước ta, khi qua đời mà ta không cùng đại chúng vây quanh hiện trước mặt người đó thì ta không thành Chánh Giác. “Thánh chúng hiện tiền” cũng có nhiều thứ khác nhau. Hoặc chân Phật, hóa Phật, Quan Âm, Thế Chí tùy mỗi phẩm vị, như trong Quán Kinh nói.

Hoặc nói rằng qua đời thấy Phật cho đó là ma, hoặc nói rằng tự tâm nghiệp hiện thật không có Đức Phật nào khác đến. Đây là do không biết chúng sanh và Phật đồng một thể, đường cảm ứng giao nhau. Tự mình chướng ngại, chướng ngại mọi người là lỗi chẳng phải nhỏ, như chỗ khác có nói.

\* Chánh niệm.

Người khi qua đời thân thức vô chủ, nghiệp chủng thiện, ác đều hiện ra. Hoặc khởi niệm ác, hoặc khởi tà kiến, hoặc sanh sự trói buộc lưu luyến, hoặc phát sanh ngông cuồng, các tướng ác chẳng phải một, đều gọi là điên đảo. Nhân trước có tụng niệm danh hiệu Phật thì tội diệt chướng trừ, tịnh nghiệp huân tập bên trong, ánh sáng từ bi gom nhiếp bên ngoài, thoát khổ được vui chỉ trong một sát na. Văn dưới khuyên chúng sanh vì thấy lợi ích như thế cho nên nói.

+ Tổng kết hiển bày.

“Ta thấy lợi ích ấy” tức nhiếp theo khoa trên “Cho nên nói lời này” là nêu lại đoạn trước, chánh báo trong văn đối văn có thể thấy.

• Đoạn lớn thứ ba: Khuyến tín trong đó chia làm ba phần:

1. Ban đầu đến Phật đã thuyết là dẫn Chư Phật đồng khen ngợi.

2. “Nếu có người ” v.v... trở xuống: căn cứ vào nhân quả ba thời để khuyên.

3. “Như hôm nay ta” v.v... trở xuống là nói Chư Phật khen ngợi, khuyến khích lẫn nhau.

• Trong phần 1 lại chia làm hai phần:

- Từ đầu đến “Lợi ích” là chỉ sự tự khen ngợi ở trước.

- Đông Phương trở xuống, dẫn Chư Phật khen ngợi.

a. Như trước đã nói y báo chánh báo đặc biệt, trì danh thoát khổ đều là do hạnh nguyện đại bi của Đức Phật Di-đà, từ nhân đến quả đều là công đức lợi ích chẳng thể suy suy nghĩ bàn luận luận.

b. Có hai phần:

- Từ đầu đến hết sáu phương: chính là nêu bày.

- “Ý ông nghĩ sao” là giải thích tên kinh.

+ Trong phần b1 chỉ nêu sáu phương. Nếu theo bản dịch đời Đường thì nêu mười phương. Nay chỉ nêu sáu phương tức “tứ duy thượng hạ” là chỉ nói lược thôi. Đoạn dưới nói danh Chư Phật nối nhau không giải thích. nay dùng nghĩa để hiểu rõ ràng tường tận, hoặc theo sắc tướng, hoặc chọn lấy âm thanh, hoặc y theo hạnh nghiệp, hoặc theo thí dụ. Đại khái không ra ngoài ba thân quả đức gom nhiếp hết, lời văn hoặc nêu riêng, còn nghĩa thì bao gồm tất cả.

1. Phần phương Đông chia làm hai phần:

- Trình bày hiện thông.

- Dẫn khen ngợi.

Năm Phương còn lại cũng như đây, không lập lại.

A-súc-bộ, Hán dịch là Bất Động, vì thể của pháp thân vắng lặng bất động không biến đổi. Nếu y theo nhân hạnh thì nói xấu, khen ngợi, cung kính, khinh mạn đồng như nhau.

Kế là nêu ba danh hiệu, đều là đặt tên theo theo ví dụ. Trong các núi, Tu-di là ngọn núi cao đẹp hơn hết. Chư Phật có pháp thân siêu vượt các pháp. Ban đầu nói tướng là hình trạng kia đồng. Kế nói Đại là vượt hẳn ví dụ. Sau cùng nói ánh sáng. Ánh sáng thì tiêu biểu cho cả trí và pháp. Diệu âm nói pháp ứng hợp căn cơ tức ứng Phật.

Hằng hà sa cõi Phật lược nêu năm vị, cho nên nói “Như thế”. “Mỗi vị (đều ở nước mình) Chính là khi Đức Thích-ca Mâu-ni nói kinh

này thì Chư Phật trong mười phương đồng thời khuyến khích, khen ngợi giúp cho tin kinh này. Nếu y theo lời Chư Phật dạy thì không luống dối, chỉ do chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng khó tin cho nên Đức Phật hiện chiếc lưới dài rộng để tiêu biểu cho lời nói thành thật.

Thường thì lưới Chư Phật lẽ ra đến mí trán, nay đây hiện khởi lượng dài rộng tùy nghi lớn nhỏ, đâu chỉ khắp đại thiên ư!

Dẫn lời khen ngợi.

“Nên tín kinh này” là dứt câu. “Khen ngợi” v.v... trở xuống tức là đề của kinh này, câu trên chỉ những điều Đức Phật Thích-ca trước đã nói, hai câu dưới giải thích ở lời kinh sau. Ngoài ra xem trong phần đề. Trong năm phương dưới đều đồng như giải thích này.

### 2. Phương Nam.

“Nhật nguyệt Đăng” cả ba chữ đều có công năng phá tan sự tối tăm, hoặc đối ba thân, hoặc ví dụ riêng trí đức.

Danh văn Quang: Vang danh khắp cả mười phương như ánh sáng chiếu khắp nơi.

Đại Diệm Kiên: Nói theo tướng thì cả hai vai có ánh sáng sáng soi, nói theo nơi trí thì chiếu soi cả hai chân và tục.

Tu Di Đăng: núi và đèn tức dụ cho pháp thân báo thân.

Vô lượng Tinh Tấn: Theo hạnh đặt tên, vì phương tiện độ sanh chưa hề tạm dừng biến trở, chúng sanh vô lượng, từ bi trí tuệ cũng vô lượng.

### 3. Tây phương.

Ba Đức Phật trước đều tên là vô lượng. Danh đầu là Tuổi thọ; hai là Tướng tốt; ba tức pháp thân chứng đắc, vô thượng cho nên dụ như cột đá.

Đại Quang, Đại Minh đều dụ cho trí Phật, tự tu hành, giáo hóa chúng sanh phá chướng, trừ hoặc nghiệp.

Bảo Tướng: Ứng thân Phật tướng tốt như ngọc báu đáng yêu quý.

Tịnh Quang: Cũng tức là pháp báo.

Hỏi: Ban đầu Vô Lượng Thọ tức là Đức Phật Di-đà, nếu tự khuyến, khen ngợi, thì đối với nghĩa chẳng thuận tiện hay sao? Đáp: Đồng danh rất nhiều, quyết chẳng phải Cực lạc mà ngài Pháp Tạng Di-đà tạo thành.

### 4. Phương Bắc.

Diệm Kiên: Đồng như trước, chỉ không nói chữ Đại. Tối Thắng Âm đồng như trên Diệu Âm.

Nan Trở: Pháp thân cứng chắc không thể hoại được, chữ “Trở”

nghĩa là hư hoại.

Nhật Sanh: Như ánh sáng mặt trời phá sự tối tăm.

Võng Minh: Pháp môn soi chiếu lẫn nhau như màn lưới của trời Đế Thích.

*5: Phương dưới*

Sư Tử: Là bậc tôn kính trong các bậc Thánh, cho nên so sánh với Sư Tử chúa các loài thú. Lại khi Sư tử rống lên một tiếng thì muôn thú nghe đều khiếp sợ, dụ cho Phật nói pháp thì tà ma ngoại đạo tiêu vong.

Danh Văn, Danh Quang nghĩa đồng như trước giải thích.

Đạt ma dịch là pháp, gọi riêng là “Pháp” ấy là pháp thân đã chứng đắc, dùng phép tắc giữ gìn giáo hóa vạn vật. Kế gọi “Tràng” là cao vời vợi vượt ngoài vạn vật. “Trì” là gánh vác giữ gìn thường trú.

*6. Phương trên:*

Phạm Âm: Phạm tức là thanh tịnh, là pháp âm trong sáng, chúng sanh đều ưa nghe.

Tú Vương: Tú là sao Tú, ngôi sao này đứng đầu trong các ngôi sao, gọi là mặt trăng. Kinh dạy: trong các ngôi sao mặt trăng là thiên tử bậc nhất.

Hoặc có thể nói ví như ngôi sao Thần phương Bắc ở trên trời thì các ngôi sao kia đến châu ngôi sao đó, mà ngôi sao thần là vua trong các vì sao, cũng dụ cho pháp thân siêu vượt các pháp.

Hương Thượng: Chúng đức như hương thơm siêu vượt các Bồ-tát; lại bao gồm trí đức cho nên nói Hương Quang.

Diệm Kiên, Tu-di đồng như trước nên không giải thích.

Tạp sắc, Bảo Hoa: Dùng nhân là hoa muôn hạnh để trang nghiêm quả là đức Pháp thân. “Bảo Hoa Đức” nghĩa cũng đồng như trên. “Ta-la” Hán dịch là Kiên cố, dù đông qua hạ đến cũng không điều tàn tức dụ pháp thân không biến đổi. Kiến Nhất Thiết Nghĩa: Là thông suốt tất cả nghĩa lý sâu xa của tất cả các pháp. Chư Phật quả như biển, lượng của đức không cùng tận, đạo ba đời đồng, lý không khác nhau. Tùy căn cơ, thuận muôn vật, nhất tướng làm danh, dùng ý xét lường, lược giải thích như trên, người hiền đời sau mở ra xem lại tra xét giảng giải ghi khắc truyền bá.

+ Giải thích danh chia làm ba phần:

\* Ban đầu cho đến “Niệm kinh” là nêu dẫn tên kinh trước.

Câu trên đã thấy ở văn trước cho nên hỏi hai câu dưới sợ chưa hiểu cho nên hỏi giải thích.

\* “Xá-lợi” v.v... trở xuống: Là Nêu nghĩa, lại có hai phần:

- Nêu nghe trì.
- “Thị chư” v.v... trở xuống là nói được lợi ích.
- Nghe kinh thọ trì.

Trên nói hai báo trang nghiêm chính là nói hành và pháp. “Và danh hiệu Chư Phật” là trên dẫn Phật khuyến tin, nêu rõ khoa đầu dẫn tên Chư Phật trong sáu phương.

- Được lợi ích: Chư Phật che chở thẳng đến Bồ-đề.

Hộ là che chở, không để cho ma làm hại. Niệm là nhớ nghĩ, không để lui sụt tâm quên mất.

Chương Thế Chí chép: Các Đức Như lai trong Mười phương thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con.

Đại luận chép: Thí như cá mẹ nếu không nhớ cá con thì cá con sẽ hư nát v.v...

A-nậu-đa-la, Hán dịch là vô thượng. “Tam-miệu” dịch chánh đẳng. Tam Bồ-đề dịch chánh giác tức nói Phật quả.

Bạc địa phạm phu nghiệp hoặc trôi buộc, trôi lăn trong năm đường trăm ngàn muôn kiếp. Bỗng nghe tịnh độ, chí nguyện cầu sanh, một ngày xưng danh thì siêu sanh về cõi kia, Chư Phật che chở thẳng đến Bồ-đề, có thể gọi là muôn kiếp khó gặp, ngàn đời khó ngộ, thề rằng từ ngày nay trọn hết đời vị lai dù ở nơi nào cũng khen ngợi nhiều phương tiện khuyến khích, dẫn dụ. Thân cõi chiêu cảm, cơ duyên giáo hóa không khác với Đức Phật A-di-đà v.v.... Tâm này vô cùng chỉ có Đức Phật mới có chứng biết được .

\* “Cho nên ” v.v... trở xuống: Khuyến tín.

“Tin lời ta” nghĩa là tin giáo pháp của Phật. Nếu không tin ta thì mười Chư Phật lại luống dối ư!

• Tiếp nhân quả ba thời, có hai phần:

- Chính là nêu.
- “Cho nên v.v... trở xuống: là Tổng kết khuyến.

+ “Đĩ” là quá khứ, “Kim” là hiện tại, “Đương” là vị lai.

Phát nguyện là nhân, sanh là quả, ba nhân ba quả riêng đối rất dễ hiểu. Muốn hiển bày tịnh độ chỉ sợ không nguyện, có nguyện thì sẽ sanh, chắc chắn không lọt mất.

Luận Thập Nghi chép: Sanh cõi Cực Lạc rồi đều được quả vô sanh, không hề có một người nào rơi lại trong ba đường bị nghiệp sanh tử trôi buộc v.v...

+ Kết khuyến.

“Nếu có người tin” là nói người không tin, nên không phát nguyện, tự cam chịu chìm đắm trong bùn tro là lỗi của ai!

• Chư Phật khen ngợi lẫn nhau, chia ra hai đoạn:

- Thích-ca khen ngợi A-di-đà.

- Đoạn dưới Chư Phật khen ngợi ta.

a. Như hôm nay ta” v.v... tức chỉ Chư Phật sáu phương ở phần trên khuyến tín.

b. Trong đây lại chia làm hai phần:

- Nêu lời khen ngợi.

- “Nên biết” v.v... trở xuống là nói lên lời thành thật.

+ Thích-ca, Hán dịch là Năng Nhân, là tâm đại bi thương xót ứng hợp căn cơ chúng sanh. Mâu-ni, Hán dịch là Vãng lạng Mặc, tức trí chân mầu nhiệm sâu xa, hợp cả hai điều này là Phật thì ba thân đầy đủ. Điều người khác không thể làm được cho nên nói “Rất khó”, nêu việc ở đời hiếm thấy nên nói “Ít có”.

Đoạn dưới nêu ra hai việc khó:

\* Ở cõi đời vẫn đực này mà tu hành thành Phật là việc khó thứ nhất.

\* Vì các chúng sanh mà nói pháp môn này là việc khó thứ hai.

Ta-bà cũng gọi là “Sách-ha”, Hán dịch là Kham Nhẫn.

Kinh Bi Hoa chép: Các chúng sanh ở Ta bà chịu đựng ba độc và các phiền não.

Theo kinh Phật Sát có hai nghĩa: Nghĩa đầu đồng như trên.

• Có người kia hành Bồ-tát thừa, thành tựu nhẫn nhục, hộ trì chúng sanh, khéo tự điều phục, nếu có người gây ra thêm điều ác hại đều có thể chịu đựng, trọn không hề buông lung, cho nên gọi là Kham Nhẫn.

Năm thứ vẫn đực cũng gọi là năm tế, lại có nghĩa là ác, nghĩa là gây ra đủ mười nghiệp ác.

Kiếp: Tiếng Phạm là kiếp ba, Hán dịch là thời phần. Bốn vẫn đực sau đều ở trong thời này, khi ở kiếp giảm, người thọ hai vạn tuổi, tức là vào thời kỳ kiếp trước.

Kiến: Gồm Thân kiến, biên kiến, tà kiến, giới thủ, kiến thủ, là năm sử dễ trừ.

Phiền não: Tham, sân, si, mạn, nghi, là năm sử khó trừ.

Chúng sanh: Xem năm ấm làm người, giả gọi là chúng sanh.

Mạng: Sát-na sanh diệt, thúc giục tuổi thọ.

- Việc khó thứ hai: Pháp môn niệm Phật không phân biệt kẻ ngu, người trí, không chọn lựa người sang kẻ hèn, bất luận xa gần, không



---

phân biệt thiện ác. Chỉ một lòng thệ nguyện quyết liệt, tin tưởng mạnh mẽ, khi qua đời dù cho ác tướng hiện, nhưng chánh tín niệm mười niệm liền được vãng sanh, đây chính là giáo pháp dành cho hạng phàm ngu đầy ràng buộc: bán rượu, giết mổ trong sát-na siêu việt thành Phật, đáng để gọi là điều mà tất cả thế gian khó tin.

+ Hiển bày chân thật.

Nương hai việc khó trước thì nói lên Chư Phật khen ngợi không luống dối, ý muốn cho chúng sanh nghe mà tín nhận.

### ***III. Phần lưu thông:***

Phần chánh đã nói hết, mọi người đều vui mừng thọ trì dần dần truyền khắp bốn biển, muôn đời, do đó nhân đại chúng tan mà lấy làm phần lưu thông. Tất cả thế gian thâm nhiếp chung thành bốn bộ, nêu riêng ba đường để quyết định văn bài tựa.

A-tu-la, Hán dịch là Phi Thiên, vì hưởng thọ lạc như cõi trời, trong lòng ưa nịnh hót đồng với quỷ, theo hành động mà đặt tên.

Vui mừng thì có cửa xuất ly, tín nhận thì nhớ giữ tu tập, đắc pháp lòng vui, kính mang ân đức, nghiêng mình cung kính, chí nguyện lưu thông.

